TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số:15/2025/DS-ST
Ngày: 25/4/2025
"*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán* tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý;

2. Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Lê Ngọc Trân, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 469/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc " *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST- DS, ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-DS, ngày 09/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Thanh Niên, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp An Ninh, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2024, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày: Trước đây giữa bà và ông Q có thỏa thuận miệng mua bán cây tầm vong với nhau nên bà có chuyển khoản tiền đặt cọc cho ông Q với số tiền là 10.000.000 đồng, đến ngày 23/6/2020 thì ông Q có chuyển số cây cho bà, do khi nhìn đoán số lượng cây nên bà đã chuyển

khoản thêm cho ông Q số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 05/7/2020 thì bà mới xác định được tổng số lượng cây mà ông Q giao cho bà có giá trị là 21.037.000 đồng nên số tiền mà ông Q còn giữ lại là 8.963.000 đồng chưa giao trả lại cho bà. Đến ngày 08/4/2024 thì giữa bà và ông Q có thỏa thuận tại ấp An Ninh, xã Lương Phi thống nhất thỏa thuận mỗi tháng ông Q sẽ trả cho bà 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, chậm nhất là trong vòng một tuần thì ông Q phải thanh toán tiền. Nhưng kể từ ngày hòa giải đến nay ông Q chỉ trả nợ được 2.000.000 đồng nên số nợ còn lại là 6.963.000 đồng, nhưng do theo đơn kiện bà thể hiện số tiền yêu cầu là 8.963.000 đồng nay bà xác định lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Q yêu cầu trả nợ cho bà là 6.963.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 3 năm 2025 bà P xác định tên người bị kiện là tên ông Huỳnh Văn Q nên không phải tên ông Huỳnh Văn Quý, do thời điểm khởi kiện bà không biết tên chính xác của ông Q.

Tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy chuyển tiền (đối chiếu bản chính); Giấy căn cước công dân (bản photo); biên bản hòa giải ngày 10/4/2024 (bản photo).

Bị đơn ông Huỳnh Văn Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn. Tuy nhiên, ông Q vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Q vắng mặt không lý do.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh về tình trạng cư trú của ông Q và chứng cứ là biên bản hòa giải và giấy chuyển tiền.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng dân sự đã thực hiện đúng quy định tố tụng, tuy nhiên bị đơn ông Q đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên đề nghị xét xử vắng mặt điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thu thập chứng cứ đúng quy định. Tuy nhiên còn một số quy phạm nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn Q trả số tiền mà ông Q đã thỏa thuận mua bán tầm vong với bà P. Cho nên đây tranh chấp hợp đồng mua bán. Ông Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, ấp An Ninh, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Thời điểm các bên thỏa thuận hiện hợp đồng mua bán là vào năm 2020 nhưng đến ngày 10/4/2024 các bên hòa giải tại Văn phòng ban ấp An Ninh, xã Lương Phi nên tính đến ngày khởi kiện chưa đến 03 năm nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo Điều 429 Bộ luật dân sự.

Về tư cách của người bị kiện: Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 3 năm 2025 bà P xác định tên người bị kiện là ông Huỳnh Văn Q không phải tên ông Huỳnh Văn Quý nên căn cứ theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử xác định tư cách của người bị kiện tên là ông Huỳnh Văn Q.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Tòa án có triệu tập tham gia phiên tòa xét xử và hoãn phiên tòa phải có mặt để Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông Q vẫn tiếp tục vắng mặt, cũng không cung cấp chứng cứ, tài liệu để phản bác lại trình bày của nguyên đơn. Do đó, ông Q đã từ bỏ quyền chứng minh của mình thì Tòa án sẽ giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ việc. Xét đây là lần vắng mặt thứ hai. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng

Theo đơn khởi kiện bà P cho biết vào năm 2020 giữa bà và ông Q có thỏa thuận hợp đồng miệng bà mua tầm vong của ông Q nên bà đã chuyển khoản tiền đặt cọc vào ngày 04/5/2020 cho ông Q với số tiền là 10.000.000 đồng, đến ngày 23/6/2020 khi bà nhận được cây thì bà P thực hiện giao tiền thanh toán mua cây cho ông Q với số tiền mà bà đã chuyển khoản cho ông Q là 20.000.000 đồng nhưng đến ngày 05/7/2020 thì bà P mới xác định được số lượng cây giao chỉ có giá trị 21.037.000 đồng nên ông Q còn giữ lại số tiền mà bà giao tiền dư khi mua cây của ông Q là 8.963.000 đồng. Bà P có yêu cầu ông Q hoàn trả lại số tiền nhưng ông Q không thực hiện, đến ngày 10/4/2024 tại ấp An Ninh các bên thống nhất thỏa thuận ông Q thống nhất trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho bà P đến khi dứt nợ, khi thanh toán chậm nhất trong vòng một tuần thì ông Q phải trả nợ nhưng đến nay ông Q chỉ trả được 2.000.000 đồng nên số tiền còn nợ là 6.963.000 đồng. Chứng cứ mà bà P cung cấp cho Tòa án là biên bản hòa giải tại ấp An Ninh ngày 10/4/2024 hai bên thống nhất số tiền ông Q còn nợ (bản photo); Giấy chuyển tiền ngày 04/5/2020 và ngày 23/6/2020 (đều đối chiếu bản chính).

Tòa án đã thực hiện việc triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q hợp lệ để ông Q nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của

bà P. Nhưng ông Q không đến Tòa án để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng ông Q đều vắng mặt.

Qua biên bản xác minh tại địa phương cho biết: Vào ngày 10/4/2024 bà P và ông Q có đến ấp An Ninh hòa giải thống nhất ông Q có nợ tiền mua bán cây tầm vong với bà P nên ông Q sẽ trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ 8.963.000 đồng, và chậm nhất trong vòng 07 ngày phải thanh toán nợ. Đồng thời, cho biết ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1977 có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn còn đang sinh sống tại địa phương.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định " *Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luật của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, từ những chứng cứ trên đủ cơ sở xác định giữa bà P và ông Q có xác lập hợp đồng mua bán tầm vong trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng mua bán làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Do kể từ ngày hòa giải tại ấp An Ninh đến nay ông Q chỉ trả được số tiền là 2.000.000 đồng ông Q vẫn không thực hiện việc hoàn trả lại số tiền còn dư khi bà P mua cây nên ông Q đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Hiện ông Q đã thanh toán được 2.000.000 đồng. Nên số tiền còn nợ là 6.963.000 đồng. Xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P buộc ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà P là 6.963.000 đồng, phù hợp theo Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự.

[2.2] Về lãi suất: Bà P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí:

Bà P khởi kiện và được Tòa án chấp nhận nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho bà P.

Ông Q có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các, Điều 429, Điều 430 và Điều 440 Luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, Khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc P.

Buộc ông Huỳnh Văn Q có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền là 6.963.000 đồng *(Sáu triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn)* đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về lãi suất: Bà P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà P số tiền 3*00.000 (ba trăm ngàn) đồng* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012784 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Ông Huỳnh Văn Q có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định là 348.000 đồng *(ba trăm bốn mươi tám ngàn)* đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử P thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền